

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THỊ XÃ DUYÊN HẢI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**TỈNH TRÀ VINH**

Bản án số: 24/2024/DS-ST

Ngày 28-6-2024

V/v: *Tranh chấp hợp đồng mua bán  
thức ăn và thuốc thủy sản*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Tấn Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Phi Long

2. Phạm Phi Long

2. Ông Dương Quốc Võ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Chăm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thuỳ Trang, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại điểm cầu trung tâm tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 303/2023/TLST- DS ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán thức ăn, thuốc thủy sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **70/2024/QĐXXST-DS** ngày 12 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Minh H**, sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: **Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang**

Bị đơn: Ông **Phạm Minh Đ**, sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: **Ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Phạm Thị Kim C**, sinh năm 1984 (Vắng)

Địa chỉ: **Ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh**

Người làm chứng: Ông **Võ Minh Quốc Đ1**, sinh năm 1984 (Vắng)

Địa chỉ: **Ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh**

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 12 năm 2023 và lời trình bày của nguyên đơn ông **Huỳnh Minh H** trong quá trình tham gia tố tụng thể hiện như sau:*

Ông **Huỳnh Minh H** và ông **Phạm Minh Đ** có ký hợp đồng mua bán thuốc thú y thủy sản, thức ăn dinh dưỡng bổ sung, chế phẩm sinh học vào ngày 29/8/2020. Theo nội dung hợp đồng, khi ông **H** xuất hàng thì ông **Đ** phải thanh toán tiền trong thời gian 05 ngày kể từ ngày đặt hàng. Việc giao hàng thì theo yêu cầu của ông **Đ**, có chuyến ông cho xe giao hàng trực tiếp cho ông **Đ**, có chuyến ông giao hàng cho khách hàng của ông **Đ**. Việc giao hàng như vậy diễn ra nhiều lần. Trong những chuyến hàng mà ông giao theo hợp đồng với ông **Đ** thì có những chuyến ông giao hàng cho bà **Phạm Thị Kim C** nhận theo chỉ định của ông với tổng số tiền là 102.900.000 đồng.

Ngày 29/11/2023 ông có gặp trực tiếp với ông **Đ** để xác nhận công nợ. Trong đó ông **Đ** xác nhận 02 khoản nợ gồm: 56.756.000 đồng (là tiền hàng giao trực tiếp cho ông **Đ**) và 102.900.000 đồng (là tiền hàng giao cho bà **C** theo yêu cầu của ông **Đ**). Tổng cộng là 159.656.000 đồng. Ông có nhiều lần gặp và nhắc ông **Đ** sớm trả tiền mua hàng còn nợ theo xác nhận công nợ ngày 29/11/2023 nhưng ông **Đ** vẫn không trả tiền cho ông.

Ông **Huỳnh Minh H** còn trình bày giữa ông và bà **C** không có trực tiếp thoả thuận mua bán hàng hay ký hợp đồng mua bán hàng nên việc ông giao hàng cho bà **C** là theo yêu cầu của ông **Đ**. Ông **Đ** cho rằng số tiền mua hàng 102.900.000 đồng mà ông đã giao cho bà **C** theo yêu cầu của ông **Đ** là nợ của bà **C** thì ông không đồng ý. Ông ký hợp đồng với ông **Đ** thì ông **Đ** có nghĩa vụ trả tiền cho ông. Vì vậy, ông **Huỳnh Minh H** yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải giải quyết như sau: Buộc ông **Phạm Minh Đ** thanh toán cho ông một lần số tiền nợ là 159.656.000 đồng. Ông không yêu cầu tính lãi.

*Theo lời trình bày của bị đơn ông **Phạm Minh Đ** thể hiện như sau:*

Ông **Phạm Minh Đ** có ký hợp đồng mua bán hàng với ông **Huỳnh Minh H**. Hợp đồng được ký vào ngày 29/8/2020. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì có chuyến hàng ông **H** giao trực tiếp cho ông và có chuyến hàng ông kêu ông **H** giao cho kho của ông. Riêng những chuyến giao hàng cho em của ông là bà **Phạm Thị Kim C** số tiền 102.900.000 đồng thì ông không biết. Việc nuôi tôm là do ông **Võ Minh Quốc Đ1** và bà **Phạm Thị Kim C** hùn nên quá trình mua bán hàng giữa ông **H** và bà **C** thì ông cũng không biết. Tôi cũng không có kêu ông **H** giao hàng cho bà **C**. Vì vậy, số tiền nợ 102.900.000 đồng là của bà **C** nên ông

không đồng ý trả số tiền này. Còn số tiền nợ 56.756.000 đồng thì ông thừa nhận có nợ và đồng ý trả cho ông H số tiền này. Ông Đ còn trình bày việc ông ký đối chiếu công nợ vào ngày 29/11/2023 với ông H là do ông H tìm bà C không gặp nên ông mới ký công nợ với lý do là ông có nợ 56.756.000 đồng và bà C có nợ 102.900.000 đồng, chứ không phải là ký xác nhận ông có nợ 102.900.000 đồng. Nếu ông Đ và bà C đồng ý chịu trách nhiệm trả cho ông số tiền 102.900.000 đồng thì ông cũng đồng ý trả cho ông H 102.900.000 đồng. Tại phiên tòa, ông Đ đồng ý trả cho ông H số tiền còn nợ 159.656.000 đồng

*Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Kim C trình bày như sau:*

Trước đây bà Phạm Thị Kim C và ông Võ Minh Quốc Đ có thỏa thuận hùn nuôi tôm. Trong quá trình nuôi tôm, bà có mua hàng của ông Huỳnh Minh H. Còn ông Phạm Minh Đ không có liên quan đến số hàng bà mua của ông H. Bà thừa nhận và đồng ý trả cho ông H số tiền 102.900.000 đồng.

*Theo lời trình bày của người làm chứng ông Võ Minh Quốc Đ trình bày như sau:*

Theo ông biết trước đây giữa ông Huỳnh Minh H và ông Phạm Minh Đ có ký hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản và ông Đ hiện nay vẫn còn nợ tiền mua hàng của ông H. Trước đây ông có làm kỹ thuật nuôi tôm và giữ bàn nuôi tôm cho mẹ của bà Phạm Thị Kim C, chứ ông không có hùn nuôi tôm gì với bà C. Theo ông biết là ông H có giao thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản cho bà C theo ý kiến của ông Đ. Ông H không có hợp đồng mua bán gì với bà C.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử: Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử có mặt tại Tòa đã thực hiện đúng các thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng chưa thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Do bị đơn đồng ý trả tiền còn nợ theo yêu cầu của nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của đương sự

- Về án phí: Buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định.

- Về kiến nghị khắc phục: Không có.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Trong phần hỏi tại phiên toà, bị đơn ông **Phạm Minh Đ** đồng ý trả cho ông **Huỳnh Minh H** số tiền còn nợ là 159.656.000 đồng. Ông **Đ** cũng tự nguyện chịu toàn bộ án phí. Xét thoả thuận của đương sự là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận.

[2] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Toà án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn ông **Phạm Minh Đ** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là: 159.656.000 đồng x 5% = 7.982.800 đồng.

Nguyên đơn ông **Huỳnh Minh H** không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.992.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 430, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Công nhận thoả thuận giữa ông **Huỳnh Minh H** và ông **Phạm Minh Đ**.  
Cụ thể như sau:

Ông **Phạm Minh Đ** thống nhất trả cho ông **Huỳnh Minh H** tổng số tiền mua hàng hoá còn nợ là 159.656.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông **Phạm Minh Đ** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 7.982.800 đồng.

Ông **Huỳnh Minh H** không phải chịu án phí nên hoàn trả lại cho ông **Huỳnh Minh H** toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 3.992.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002057 ngày 11/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

3. Nguyên đơn ông **Huỳnh Minh H**, bị đơn ông **Phạm Minh Đ** có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Phạm Thị Kim C** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- Chi cục THADS TX. Duyên Hải;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án. (9 bản)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Tấn Thanh**